TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ninh

Bà Lưu Thị Hồng Thơm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 04/2020/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đồng Đức T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26-11-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng vào ngày 27-4-2001. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, bất đồng với nhau về phát triển kinh tế gia đình, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường

xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng theo thời gian ngày càng trầm trọng. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đồng Đức A, sinh ngày 17-3-2002 và Đồng Đức Q, sinh ngày 28-02-2005. Ly hôn, chị xin nhận nuôi các con Đức A và Q. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị sẽ tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 15-4-2020, chị N trình bày cháu Đức A nay đã đủ 18 tuổi, đang làm cùng công ty với chị và có thu nhập ổn định nên chị không yêu cầu giải quyết. Các nội dung khác, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự, nhưng bị đơn không tham gia. Do đó, Tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T và tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N với anh Đồng Đức T. Về con chung, cháu Đức A đã thành niên nên không xem xét, giải quyết; giao cháu Q cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Đồng Đức T. Anh T có nơi cư trú tại Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 19-3-2020, anh T đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và thông báo về việc thay đổi lịch xét xử. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị N và anh T kết hôn trên cở sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đức, huyện Kiến Thụy (nay phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng vào ngày 27-4-2001 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Chị N và anh T kết hôn từ năm 2001. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị N và anh T nghi ngờ nhau sống không chung thủy, thiếu niềm tin vào nhau về tình cảm nên xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Do đó, cuộc sống giữa chị N và anh T không còn hòa thuận, hạnh phúc, gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn tình cảm. Sau đó, anh T đã chuyển ra ngoài ở, vợ chồng đã sống ly thân được hơn 02 năm nay. Hiện nay, anh T và chị N đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm và kinh tế. Xét thấy, chị N và anh T không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, có thể thấy mâu thuân thuẫn tình cảm vợ chồng của chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Đồng Đức A, sinh ngày 17-3-2002 và Đồng Đức Q, sinh ngày 28-02-2005. Cháu Đức A đã đủ 18 tuổi, hiện đang đi làm cùng công ty với mẹ và có thu nhập ổn định. Chị N không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng cháu Đức A nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị N có nguyện vọng nhận nuôi cháu Q. Xét thấy, chị N có công việc, thu nhập ổn định và cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ. Trong thời gian chị N và anh T sống ly thân, cháu Q vẫn ở với mẹ còn anh T hiện đang đi làm ăn xa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu

cầu nhận nuôi con của chị N. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn anh Đồng Đức T.

2. Về con chung:

2.1. Cháu Đồng Đức A, sinh ngày 17-3-2002 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.2. Giao cháu Đồng Đức Q, sinh ngày 28-02-2005 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết hoặc cho đến khi chị N và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007099 ngày 06-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Đương sự;
- UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thơm **Nguyễn Thị Ninh** **Phạm Hữu Trường**